

Mỏ Cày Nam, ngày 25 tháng 8 năm 2022

Số: 67/2022/QĐST- DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 156/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn T** - Sinh năm 1972, địa chỉ nơi cư trú: Ấp H, xã L, huyện M, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Lê Minh T, sinh năm 1995, địa chỉ: Số X, ấp Y, xã P, thành phố B, tỉnh B và bà Đinh Thị Bé M, sinh năm 1972, địa chỉ: Số Q, tổ E, khu phố D, phường K, thành phố B, tỉnh B (Văn bản ủy quyền ngày 27/6/2022).

- *Bị đơn:* Bà **Trần Thị V** - Sinh năm 1988, địa chỉ nơi cư trú: Ấp P, xã S, huyện N, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Trần N, sinh năm 1985, địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện N, tỉnh B. (Văn bản ủy quyền ngày 15/8/2022).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Trần Thị V có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền nợ vay gốc là 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng), ông Nguyễn Văn T không yêu cầu tính lãi. Thời hạn trả khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Nguyễn Văn T tự nguyện chịu 1.625.000 đồng (Một triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007940 ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến tre; hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền chênh lệch là 1.625.000 đồng (Một triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

+ Bà Trần Thị V tự nguyện chịu 1.625.000 đồng (Một triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ^(3b);
- VKSND huyện MCN^(1b);
- Chi cục THADS H.MCN^(1b);
- TAND tỉnh Bến Tre^(1b);
- Lưu HS, VP ^(3b). TC:9b.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Trang